

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6-ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 29-01-2026

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi
con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6-ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lưu Ly**

- Hội thẩm nhân dân: Bà **Trần Thị Kim Tân**

Ông Nguyễn Lương Khoa

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Đinh Thị Phương Thảo** - Thư ký tòa án nhân dân khu vực 6.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6:** không tham gia.

Vào ngày 29/01/2026, tại Tòa án nhân dân khu vực 6 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 107/2025/TLST-HNGĐ ngày 06/10/2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2025/QĐST-HNGĐ ngày 23/12/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2026/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2016 giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Kim D**, sinh năm: 1989 (Vắng mặt)

Địa chỉ: **Ấp T, xã X, tỉnh Đồng Nai.**

- *Bị đơn:* Anh **Lê Văn T**, sinh năm: 1983 (Vắng mặt)

Địa chỉ: **Ấp T, xã X, tỉnh Đồng Nai.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai bổ sung nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Kim D** trình bày: Trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện chị và anh **Lê Văn T** chung sống và đăng ký kết hôn với nhau năm 2015 tại **Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Long**. Đây hôn nhân lần đầu của anh chị.

Sau khi kết hôn anh chị chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 03/2025 đến nay, không ai quan tâm, chăm

sóc ai, bỏ mặc nhau. Khi xảy ra mâu thuẫn bản thân anh chị và hai bên gia đình đã tự hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay tình cảm không còn nên chị yêu cầu ly hôn với anh **Lê Văn T**.

Về con chung: Chị và anh **Lê Văn T** có 02 con chung **Lê Nguyễn Trà M** sinh ngày 16/01/2019, **Lê Nguyễn Tường V** sinh ngày 17/12/2016. Khi ly hôn chị yêu cầu nuôi 02 con chung và không yêu cầu anh **Lê Văn T** cấp dưỡng nuôi con;

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị **Nguyễn Thị Kim D** trình bày không có.

Bị đơn anh **Lê Văn T** trình bày: Trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện anh và chị **Nguyễn Thị Kim D** chung sống và đăng ký kết hôn với nhau năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. Đây hôn nhân lần đầu của anh chị.

Sau khi kết hôn anh chị chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 03/2025 đến nay, không ai quan tâm, chăm sóc ai, bỏ mặc nhau. Khi xảy ra mâu thuẫn bản thân anh chị và hai bên gia đình đã tự hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay anh còn tình cảm với chị **Nguyễn Thị Kim D** nên anh không ly hôn.

Về con chung: Anh và chị **Nguyễn Thị Kim D** có 02 con chung **Lê Nguyễn Trà M** sinh ngày 16/01/2019, **Lê Nguyễn Tường V** sinh ngày 17/12/2016. Nếu phải ly hôn anh đồng ý giao 02 con chung cho chị **Nguyễn Thị Kim D** trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi và có khả năng lao động; Anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh **Lê Văn T** trình bày không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tư cách tham gia tố tụng: Chị **Nguyễn Thị Kim D** có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh **Lê Văn T**, do đó xác định chị **D** là nguyên đơn, anh **T** là bị đơn.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị **Nguyễn Thị Kim D** có đơn xin xét xử vắng mặt, anh **Lê Văn T** đã được triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Nên xét xử vắng mặt chị **D** và anh **T** tại phiên tòa là phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị Kim D** và anh **Lê Văn T** tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo luật định nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị **Nguyễn Thị Kim D** nhận thấy: Mặc dù anh **Lê Văn T** không đồng ý ly hôn vì anh vẫn còn tình cảm với chị **D**. Tuy nhiên, quá trình chung sống anh **T** và chị **D** đều thừa nhận cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, có

nhiều mâu thuẫn. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 03/2025 đến nay, không ai quan tâm, chăm sóc ai, bỏ mặc nhau. Như vậy, chứng tỏ tình trạng hôn nhân của anh chị mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy nên chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Kim D được ly hôn với anh Lê Văn T là phù hợp.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Kim D và anh Lê Văn T có 02 con chung là cháu Lê Nguyễn Trà M sinh ngày 16/01/2019, Lê Nguyễn Tường V sinh ngày 17/12/2016. Xét thấy, chị Nguyễn Thị Kim D yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung sau ly hôn, trường hợp ly hôn anh Lê Văn T đồng ý giao 02 con chung cho chị Nguyễn Thị Kim D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Hơn nữa, cháu Lê Nguyễn Trà M sinh ngày 16/01/2019, Lê Nguyễn Tường V sinh ngày 17/12/2016 đều có nguyện vọng ở với chị Nguyễn Thị Kim D nên chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Kim D được nuôi dưỡng 02 cháu Lê Nguyễn Trà M sinh ngày 16/01/2019, Lê Nguyễn Tường V sinh ngày 17/12/2016 sau khi ly hôn. Do chị Nguyễn Thị Kim D không yêu cầu anh Lê Văn T cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Lê Văn T.

[5] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Kim D và anh Lê Văn T trình bày không yêu cầu giải quyết tài sản chung nên không giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Kim D và anh Lê Văn T trình bày không có nợ chung nên không giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim D phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 28, Điều 35; Điều 39, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 51; Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 85 của Luật Hôn nhân gia đình 2014;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án:

- *Tuyên xử:*

1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim D được ly hôn với anh Lê Văn T.

Quan hệ hôn nhân chấm dứt và giấy chứng nhận kết hôn số 89 quyền số 01/2015 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Long cấp không còn giá trị pháp lý, kể từ ngày bản án, quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao 02 cháu Lê Nguyễn Trà M sinh ngày 16/01/2019, Lê Nguyễn Tường V sinh ngày 17/12/2016 cho chị Nguyễn Thị Kim D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh **Lê Văn T** được quyền thăm nom con chung nhưng không gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị **Nguyễn Thị Kim D**.

Khi cần thiết, anh **Lê Văn T** và chị **Nguyễn Thị Kim D** được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung vẫn được pháp luật bảo vệ.

Tạm thời anh **Lê Văn T** không phải cấp dưỡng nuôi con do chị **Nguyễn Thị Kim D** không có yêu cầu.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Chị **Nguyễn Thị Kim D** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0002186 ngày 03/10/2025 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 6, tỉnh Đồng Nai.

Chị **Nguyễn Thị Kim D** và anh **Lê Văn T** được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Kim Tân Nguyễn Lương K

Lưu Ly

Nơi nhân:

- TAND Tỉnh Đồng Nai;
- VKSND Tỉnh Đồng Nai;
- VKSND khu vực 6;
- Phòng THADS khu vực 6;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã;
- Lưu án văn;
- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa

Lưu Ly

